

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển các lĩnh vực thuộc Trường Đại học Y
Dược Cần Thơ giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

*Căn cứ Quyết định 184/2002/QĐ-TTg ngày 25/12/2002 của Thủ tướng
chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;*

*Căn cứ Quyết định số 1020/QĐ-ĐHYDCT ngày 19 tháng 9 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc ban hành Quy chế
Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;*

*Căn cứ Biên bản họp số 1342/BB-ĐHYDCT ngày 14 tháng 9 năm 2020
của các Hội đồng nghiệm thu các chiến lược của Trường Đại học Y Dược
Cần Thơ giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045;*

Xét đề nghị của Trường Phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 06 chiến lược các lĩnh vực thuộc Trường Đại học Y
Dược Cần Thơ giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2045 gồm:

1. Chiến lược đào tạo;
2. Chiến lược khoa học công nghệ;
3. Chiến lược khám chữa bệnh;
4. Chiến lược tổ chức bộ máy – nhân lực;
5. Chiến lược cơ sở vật chất;
6. Chiến lược tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Y Dược Cần
Thơ chịu trách nhiệm triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện chiến lược lĩnh
vực do đơn vị phụ trách.

Điều 3. Trường Phòng hành chính tổng hợp, Trưởng các đơn vị có liên
quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*Nguyen*

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- BTV ĐU;
- CT HĐT;
- Ban Chỉ đạo, Ban xây dựng Chiến lược;
- Lưu: VT, HCTH.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trung Kiên

(Kèm theo Quyết định Số 2662/QĐ/ĐHYDCT ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021-2030
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
LĨNH VỰC: KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG
GIAI ĐOẠN 2011-2020**

1. Những kết quả chung

- Quy mô hoạt động Bệnh viện tăng từ 50 lên 246 giường, tỷ lệ tăng hàng năm của lượt khám ngoại trú 4,2 % và lượt điều trị nội trú là 7,9 %; tổng số kỹ thuật đã được Bộ Y tế phê duyệt thực hiện là 10.172 kỹ thuật (1.304 kỹ thuật so với số kỹ thuật được phê duyệt năm 2015). Bệnh viện phát triển nhiều kỹ thuật mới, trong đó có các kỹ thuật thuộc nhóm Bệnh viện hạng 1 là 786 kỹ thuật (đạt 7,7%).

- Kiện toàn và hoàn chỉnh bộ máy tổ chức của Bệnh viện. Thành lập 06 đơn vị mới (Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị, Phòng Quản lý chất lượng và Công tác xã hội, Khoa Tim mạch can thiệp-thần kinh, Trung tâm xạ phẫu bằng dao Gamma, Trung tâm Tiết niệu-Hifu, đơn vị Vật lý trị liệu).

- Đầu tư phát triển về chuyên môn, trang thiết bị, cơ sở vật chất... tập trung phát triển các kỹ thuật mũi nhọn, đảm bảo an toàn, hiệu quả trong công tác khám và chữa bệnh; Mở rộng khu khám theo yêu cầu để đảm bảo phục vụ tốt công tác khám chữa bệnh theo nhu cầu của người dân

- Bước đầu đổi mới cơ chế hoạt động theo hướng tự chủ toàn bộ các hoạt động; Doanh thu hàng năm tăng 7-10%. Thu nhập viên chức người lao động tại Bệnh viện 12 triệu/đồng/người/tháng.

- Đẩy mạnh hoạt động, nâng cao hiệu quả các máy móc thiết bị đắt tiền đã đầu tư; mua sắm thêm trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác khám và điều trị như: hệ thống máy điều trị xạ phẫu bằng dao Gamma, hệ thống máy C-arm...

- Hằng năm Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ tiếp nhận hơn 8000 lượt sinh viên, học viên trong và ngoài nước đến học tập và thực hành,... Số lượt hội nghị hội thảo chuyên môn tăng 25%/năm. Số lượng đề tài, luận văn, luận án thực hiện tại Bệnh viện tăng 19.8 %/năm.

2. Điểm mạnh

- Được sự quan tâm của lãnh đạo của các cấp: bộ, ngành, địa phương và đơn vị chủ quản

- Nguồn nhân lực chính tham gia công tác quản lý và chuyên môn của Bệnh viện là các viên chức, giảng viên của Trường nhiều kinh nghiệm, tâm huyết với nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao

- Tập thể Bệnh viện đoàn kết, nỗ lực phấn đấu và hỗ trợ nhau trong công tác

3. Các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Chưa thể triển khai công tác xây dựng mới Bệnh viện quy mô 400 giường trên diện tích đất 3,8 hecta.

Nguyên nhân: Nhà Trường bước vào giai đoạn tự chủ, bên cạnh những thuận lợi thì cũng có nhiều khó khăn thách thức. Trong hoạt động, đặc biệt là đầu tư và xây dựng cơ bản, hệ thống văn bản pháp lý chưa đầy đủ và rõ ràng nên gây nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2030

1. Bối cảnh

1.1. Cơ hội

1.1.1. Bối cảnh chung

- Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển trên thế giới và đi kèm theo đó là sự bùng nổ về ứng dụng các phương pháp mới trong tầm soát, chẩn đoán và điều trị bệnh nhân.

- Hệ thống văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân ngày càng đầy đủ và hoàn thiện, đáp ứng kịp thời để giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Sự thay đổi cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính trong lĩnh vực y tế như: Cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp y tế, chính sách BHYT, chính sách về xã hội hóa y tế đã tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, công tác quản lý, điều hành hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và thay đổi phong cách, thái độ phục vụ của các cơ sở y tế.

- Điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước tiếp tục phát triển trong điều kiện chính trị và xã hội ổn định; các nguồn lực đầu tư cho công tác y tế ngày càng được quan tâm và tăng lên hàng năm.

1.1.2. Bối cảnh của bệnh viện

- Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã trải qua giai đoạn thí điểm tự chủ, đã có những kinh nghiệm nhất định, tạo tiền đề cho bệnh viện thực hiện đổi mới cơ

chế hoạt động theo hướng tự chủ toàn bộ các hoạt động theo định hướng chung của nhà nước.

- Công tác hoạch định chiến lược, tầm nhìn cũng như chuẩn bị các điều kiện xây dựng Bệnh viện, chuẩn bị các nguồn lực đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, sẵn sàng triển khai trong giai đoạn mới.

- Bệnh viện đã tích lũy được nguồn lực tài chính đáng kể, góp phần quan trọng vào việc đầu tư trong giai đoạn mới.

- Bệnh viện đã từng bước trưởng thành và phát triển qua thực tiễn gần 10 năm hoạt động, nhiều thành công đã được phát huy và nhiều bài học trong quản lý, điều hành đã được đúc kết, là những kinh nghiệm quý giá cho giai đoạn mới.

- Uy tín, vị trí, thương hiệu của Bệnh viện đã được khẳng định và không ngừng phát triển và đã trở thành điểm đến quan trọng trong công tác chăm sóc sức khỏe của người dân trong khu vực.

1.2. Thách thức

1.2.1. Bối cảnh chung

- Một số cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực y tế còn thiếu và chưa đồng bộ ảnh hưởng tới sự phát triển công tác y tế như: Đến nay Chính phủ chưa ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; chính sách BHYT còn bất cập, phương thức chi trả còn bất cập, cơ chế giao dự toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT ...

- Gánh nặng về sự thay đổi mô hình bệnh tật, liên quan đến biến đổi khí hậu của vùng, bệnh không lây nhiễm ngày càng gia tăng, bên cạnh đó một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm gây dịch luôn tiềm ẩn và có thể bùng phát thành dịch. Tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng ảnh hưởng xấu đến sức khỏe cộng đồng và phát sinh bệnh tật.

- Sự ra đời của nhiều cơ sở y tế đặc biệt là hệ thống y tế tư nhân được đầu tư lớn, tự chủ hoàn toàn trong đầu tư và hoạt động nên có sức hút lớn, tạo ra áp lực cạnh tranh đáng kể đến các hệ thống y tế công lập.

1.2.2. Bối cảnh của bệnh viện

- Chưa hoàn chỉnh, đầy đủ các cơ sở pháp lý về hoạt động theo cơ chế tự chủ, đặc biệt các cơ chế đặc thù, nội dung về mối liên hệ trong công tác quản lý, điều hành về công tác khám chữa bệnh giữa Bộ Y tế, Trường ĐHY Dược Cần Thơ và Bệnh viện thuộc Trường.

- Cơ sở vật chất Bệnh viện hiện tại đã cũ, xuống cấp và không đáp ứng hết được nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng gia tăng tại Bệnh viện.

- Tiến hành song song vừa thực hiện công tác xây dựng Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ mới, nhưng vẫn đảm bảo hoạt động chuyên môn của Bệnh viện trong cơ sở hiện tại.

2. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

- Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của luật bảo hiểm y tế;

- Quyết định 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế bệnh viện;

- Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25 tháng 8 năm 2005 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế;

- Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí chất lượng Bệnh viện Việt Nam;

- Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thứ trưởng Bộ Y tế ban hành bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ Nội vụ-Bộ Y tế về việc Hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước;

- Quyết định số 3959/QĐ-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Thứ trưởng Bộ Y tế ban hành định mức nhân lực và thời gian làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ khám chữa bệnh;

- Quyết định số 4888/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019- 2025.

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu phát triển giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến 2045

Đến năm 2030 trở thành Bệnh viện hạng I với quy mô trên 1000 giường bệnh và là bệnh viện đầu ngành, tuyến cuối tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

3.2. Mục tiêu phát triển theo từng giai đoạn trung hạn

- Đến 2025 trở thành Bệnh viện hạng I với quy mô 400 giường bệnh.

- Đến 2030 trở thành Bệnh viện hạng I với quy mô 1000 giường bệnh, là bệnh viện đầu ngành, tuyến cuối tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long trong đó thực hiện ít nhất 15% số kỹ thuật chuyên sâu của bệnh viện hạng đặc biệt.

4. Các chỉ tiêu cơ bản

4.1. Quy mô và nội dung hoạt động

Stt	Chỉ số	Chỉ tiêu đến năm 2025	Chỉ tiêu đến năm 2030
1	Số giường kế hoạch	400 giường	1000 giường
2	Công suất giường kế hoạch	> 80%	> 80%
3	Số lượt khám ngoại trú	> 350.000 lượt/năm	> 450.000 lượt/năm
4	Số lượt điều trị nội trú	>18.000 lượt/năm	> 25.000 lượt/năm
5	Số lượt thủ thuật/phẫu thuật	58.000/10.000	75.000/13.000
6	Triển khai bệnh án điện tử	Hoàn thành kế hoạch thực hiện bệnh án điện tử	Vận hành tốt
7	Tỷ lệ cơ cấu, bộ phận chuyên		

môn	60% - 63%	60 %
+ Lâm sàng (60-65%)	15% - 20%	22%
+ Cận lâm sàng (22-15%)	18% - 20%	20%
+ Quản lý, hành chính (18-20%)		

4.2. Trình độ chuyên môn kỹ thuật, cơ cấu lao động

Bảng 4.2.1. Cơ cấu định biên quy định theo bộ phận và theo chuyên môn

Stt	Cơ cấu		Tỷ lệ		Số lượng	
			Quy định	Áp dụng	Bệnh viện hạng I (400G)	Bệnh viện hạng I (1000G)
1	Theo bộ phận	Lâm sàng	60-65%	60%	352	536
		Cận lâm sàng - Dược	15-22%	20%	117 (66+51)	179 (98+81)
		Quản lý, hành chính	18-20%	20%	117	179
		Tổng cộng			586	894
2	Theo chuyên môn	Bác sĩ khối lâm sàng/chức danh chuyên môn y tế khác (ĐD, KTV, hộ sinh)	1/3-1/3,5	1/3	88/264	134/402
		Dược sĩ Đại học/Bác sĩ	1/8-1/1,5	1/5	17/88	27/134
		Dược sĩ Đại học/Dược sĩ cao đẳng, trung học	1/2-1/2,5	1/2	17/34	27/54

4.3. Khả năng chuyên môn, kỹ thuật

Stt	Chỉ số	Chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025	Chỉ tiêu giai đoạn 2026-2030
1	Tỷ lệ kỹ thuật loại 1 thực hiện theo phân tuyến	100%	100%
2	Chia tách/thành lập mới các	Tim mạch, Chân	

	chuyên khoa	thương chỉnh hình - phục hồi chức năng, Ung bướu, Tâm thần- thần kinh	
3	Phát triển kỹ thuật, phương pháp điều trị hiện đại	Theo phát triển chung của Việt Nam và thế giới	
4	Tiếp nhận khám, điều trị cho người nước ngoài	Có đơn vị tiếp nhận khám, điều trị cho người nước ngoài	Thực hiện thường qui
5	Triển khai đề án khám bệnh từ xa	Hoàn thành đề án	

4.4. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị

Stt	Chỉ số	Chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025	Chỉ tiêu giai đoạn 2026-2030
1	Xây dựng Bệnh viện mới	400 giường	1000 giường
2	Xây dựng labo y tế chuyên sâu	Phục vụ NCKH và khám chữa bệnh	Đáp ứng hoàn toàn nhu cầu NCKH và khám chữa bệnh
3	Mua sắm các trang thiết bị y tế mới	Theo nhu cầu phát triển	Theo nhu cầu phát triển
4	Tổng diện tích sử dụng	32.000 m ²	50.000m²

5. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

5.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Xây dựng, bổ sung và hoàn chỉnh các cơ sở pháp lý về hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và qui chế giải trình đặc biệt các cơ chế đặc thù, nội dung về mối liên hệ trong công tác quản lý, điều hành về công tác khám chữa bệnh giữa Bộ Y tế, Trường ĐH Y Dược Cần Thơ và Bệnh viện thuộc Trường.

- Nâng cao kiến thức quản lý nhà nước và ý thức chấp hành pháp luật, kiến thức chuyên môn cho nhân viên bệnh viện. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong

bệnh viện đến tận khoa phòng, xây dựng và đẩy mạnh phong trào thi đua, đặc biệt là việc xây dựng các đơn vị và cá nhân điển hình tiên tiến trong Bệnh viện.

- Ban hành các cơ chế ưu đãi đối với cán bộ, nhân viên y tế có trình độ cao hoặc công tác ở những chuyên khoa tối cần thiết của bệnh viện.

5.2. Giải pháp về nguồn lực

- Xây dựng đề án vị trí việc làm bổ sung hàng năm phù hợp với qui mô phát triển của bệnh viện.

- Xây dựng đề án phát triển nhân lực gắn với phát triển chuyên môn theo hướng đạt chuẩn Bệnh viện hạng 1

- Tiêu chuẩn hoá và cân đối nhu cầu nhân lực y tế về số lượng, cơ cấu, chất lượng theo từng chuyên khoa và kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế, đội ngũ cán bộ quản lý, đảm bảo tiêu chuẩn hoá cán bộ trong từng lĩnh vực quản lý.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt; trình độ chuyên môn cao và chuyên sâu trong từng lĩnh vực; tạo một môi trường làm việc chuẩn mực, an toàn, thân thiện cho viên chức BV và bệnh nhân.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động tài chính, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giúp người dân thuận tiện và tin tưởng trong việc tiếp cận và sử dụng; nâng cao hiệu quả công tác xã hội hóa chăm sóc y tế trong Bệnh viện theo hướng công bằng, hiệu quả, đúng qui định.

- Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, kiện toàn đội ngũ cán bộ y tế nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động chăm sóc sức khỏe.

- Mở các khóa đào tạo ngắn hạn, đào tạo chuyên sâu về công tác quản lý, chuyên môn, hành chính cho cán bộ y tế. Đẩy mạnh việc đưa cán bộ y tế đi đào tạo nâng cao ở nước ngoài, đặc biệt là các chuyên khoa mũi nhọn.

5.3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

5.3.1. Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển

- Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo tuyến.

- Củng cố và nâng cao công tác nghiên cứu khoa học theo hướng chuyên nghiệp và tập trung đầu tư vào các đề tài nghiên cứu cấp tỉnh, thành phố, cấp nhà nước đặc biệt các đề tài nghiên cứu mang tính ứng dụng cao.

- Phối hợp với Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thiện hiện các chính sách, cơ chế tự chủ, phân cấp trong quản lý đào tạo liên tục để tăng cường qui mô, hình thức, nội dung các khóa đào tạo theo nhu cầu xã hội.

- Tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo, CME tại bệnh viện để tạo điều kiện cán bộ viên chức tại Bệnh viện tham gia và hoàn thành tốt công tác cập nhật kiến thức chuyên môn theo quy định.

- Mở rộng hợp tác quốc tế, trong đó tăng cường tìm và phát triển các mối quan hệ với các đối tác nước ngoài, đặc biệt thực hiện ký kết các chương trình trao đổi học thuật giữa với đối tác để tạo điều kiện phát triển Bệnh viện.

5.3.2. Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện quy trình khám bệnh, điều trị nội trú, các quy trình kỹ thuật, chăm sóc phù hợp với điều kiện bệnh viện theo hướng hiện đại và sự tiến bộ của y học, triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin định hướng phát triển bệnh viện thông minh.

- Tập trung phát triển các kỹ thuật mũi nhọn, chuyên sâu, đảm bảo an toàn, hiệu quả trong đào tạo thực hành, NCKH và khám chữa bệnh.

- Triển khai hiệu quả đề án xây dựng Bệnh viện mới.

6. Dự toán kinh phí (Phụ lục 2)

6.1. Tổng dự toán năm 2021-2030

- Tổng thu: 5.995 tỷ 838 triệu đồng
- Tổng chi: 5.287 tỷ 481 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi thường xuyên: 4.677 tỷ 256 triệu đồng
 - + Chi không thường xuyên: 116 tỷ 315 triệu đồng
 - + Chi khác: 493 tỷ 910 triệu đồng
- Chênh lệch thu – chi trích lập các quỹ: 708 tỷ 357 triệu
- Dự kiến mỗi năm doanh thu trung bình tăng từ 5% – 7%

6.2 Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược phân làm 2 giai đoạn:

- **Giai đoạn 2021-2025:**
 - + Tổng thu: 1.927 tỷ 591 triệu đồng
 - + Tổng chi: 1.709 tỷ 103 triệu đồng, trong đó:
 - Chi thường xuyên: 1.503 tỷ 684 triệu đồng
 - Chi Không thường xuyên: 37 tỷ 394 triệu đồng
 - Chi khác: 168 tỷ 025 triệu đồng
 - + Chênh lệch thu – chi trích lập các Quỹ: 218 tỷ 488 triệu
 - + Dự kiến từ năm 2021 – 2023 doanh thu mỗi năm tăng 7%
 - + Dự kiến từ năm 2024 – 2025 doanh thu mỗi năm tăng 5%
- **Giai đoạn 2026-2030:**
 - + Tổng thu: 4.068 tỷ 247 triệu đồng
 - + Tổng chi: 3.578 tỷ 378 triệu đồng, trong đó:
 - Chi thường xuyên: 3.173 tỷ 572 triệu đồng

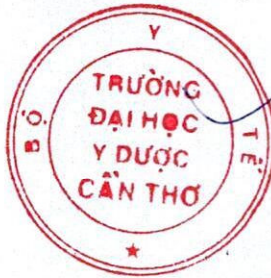
- Chi Không thường xuyên: 78 tỷ 921 triệu đồng
 - Chi khác: 325 tỷ 885 triệu đồng
- + Chênh lệch thu – chi trích lập các Quỹ: 489 tỷ 869 triệu đồng
+ Dự kiến từ năm 2026 – 2030 doanh thu mỗi năm tăng 5%

7. Tổ chức thực hiện

- Ban Giám đốc Bệnh viện chỉ đạo triển khai, theo dõi, đánh giá các mục tiêu chỉ tiêu trong chiến lược phát triển của Bệnh viện; chỉ đạo các phòng, đơn vị tham mưu thuộc Bệnh viện cụ thể hóa chiến lược thành các kế hoạch/đề án chi tiết cho từng lĩnh vực; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện, phân tích, dự báo tiến độ từng chỉ tiêu cho các cấp quản lý trực tiếp.

- Bệnh viện công khai chiến lược đến toàn thể cán bộ nhân viên của Bệnh viện sau khi được phê duyệt.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Trung Kiên

PHỤ LỤC 1
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011-2020

Stt	Chỉ tiêu	Chỉ số	Kết quả thực hiện			Tỷ lệ đạt
			Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	Giai đoạn 2011-2020	
1	Xây dựng bệnh viện với quy mô 400 giường		Mở rộng Bệnh viện với quy mô 200 giường	Mở rộng Bệnh viện với quy mô 246 giường	Mở rộng Bệnh viện với quy mô 246 giường	

PHỤ LỤC 2
DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021-2030
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

STT	Nội dung hoạt động	Thành tiền (giai đoạn 2021-2030)		
		Tổng cộng	2021-2025	2026-2030
I	Thu sự nghiệp	5.995.838	1.927.591	4.068.247
1.1	Thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	1.915.760	741.709	1,174,051
1.2	Thu khám, bệnh chữa bệnh đối tượng Bảo hiểm y tế	3.852.015	1.112.563	2,739,451
1.3	Thu hoạt động tài chính	166.912	53.660	113,252
1.4	Thu khác	61.151	19.659	41,492
II	Chi thường xuyên	4.677.256	1.503.684	3.173.572
2.1	Nhóm 1: Chi thanh toán cá nhân	1.485.281	477.500	1.007.781
2.1.1	Tiền lương, tiền công và phụ cấp	1.022.996	328.881	694.115
2.1.2	Phúc lợi tập thể	164.771	52.972	111.799
2.1.3	Các khoản đóng góp	69.564	22.364	47.200
2.1.4	Các khoản chi thu nhập tăng thêm	223.903	71.982	151.921
2.1.5	Đào tạo bồi dưỡng cán bộ	4.047	1.301	2.746
2.2	Nhóm 2: Chi mua hàng hóa, dịch vụ, nghiệp vụ chuyên môn	3.191.975	1.026.184	2.165.791
2.2.1	Nghiệp vụ chuyên môn: (Thuốc, vật tư y tế, máu dịch truyền...)	2.934.171	943.302	1.990.869
2.2.2	Dịch vụ công cộng (Điện, nước, nhiên liệu, vệ sinh, rác thải y tế...)	149.159	47.953	101.206
2.2.3	Vật tư văn phòng (Ấn phẩm, Văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, vật tư văn phòng...)	48.474	15.584	32.890
2.2.4	Thông tin, tuyên truyền	5.418	1.742	3.676
2.2.5	Chi phí vật tư, sửa chữa nhỏ tài sản cố định	28.010	9.005	19.005

2.2.6	Các chi phí thường xuyên khác (Hội nghị, công tác phí, thuê mượn...)	26.743	8.598	18.145
III	Nhóm 3: Chi không thường xuyên	116.315	37.394	78.921
3.1	Chi phí sửa chữa, duy tu tài sản cố định, công trình cơ sở hạ tầng; Mua sắm tài sản cố định.	116.315	37.394	78.921
IV	Nhóm 4: Chi khác	493.910	168.025	325.885
4.1	Trích khấu hao tài sản cố định nộp về Trường	258.261	83.028	175.233
4.2	Trích 30% chênh lệch thu>chi nộp Trường	140.673	54.463	86.210
4.3	Nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước (Thuế TNDN, Thuế GTGT...)	59.909	19.260	40.649
4.4	Các khoản chi khác	35.067	11.274	23.793
V	Tổng chi Hoạt động (II+III+IV)	5.287.481	1.709.103	3.578.378
VI	Chênh lệch thu-chí trích lập các quỹ (I-V)	708.357	218,488	489.869
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (40%)	269.175	83.025	186.150
2	Quỹ khen thưởng (2%)	13.460	4.152	9.308
3	Quỹ phúc lợi (18%)	121.130	37.362	83.768
4	Quỹ ổn định thu nhập (5%)	33.646	10.378	23.269
5	Quỹ bổ sung thu nhập (35%)	235.529	72.647	162.881
6	Quỹ cải cách tiền lương (5%)	35.417	10.924	24.493